

## BẢN SINH CỦA ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

Kinh **Bi Hoa**, Phẩm **Đại Thí** có ghi: “Trong đời quá khứ cách thời của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni rất lâu xa, có vị Chuyển Luân Vương tên là **Vô Tránh Niệm** (Aranemin). Lúc đó có vị Đại Thần thuộc dòng Bà La Môn tên là **Bảo Hải** (Ratna-sāgara), vị này có một người con xuất gia và tu thành Đạo, hiệu là **Bảo Tạng Như Lai** (Ratna-garbha). Khi Đức Bảo Tạng Như Lai đến thành phố **A Châu La** (Añjura) thì vua Vô Tránh Niệm và các vương tử đã đến cúng dường ba tháng. Sau khi được Bảo Hải khuyên phát Tâm Bồ Đề vượt qua biển khô cằn độ chúng sinh thì đức vua Vô Tránh Niệm đã phát nguyện và được Đức Bảo Tạng Như Lai ân chứng sẽ thành Phật tên là **A Di Đà** tại quốc độ **Cực Lạc** ở phương Tây”

Kinh **Vô Lượng Thọ** ghi chép rằng: “Vào thời quá khứ cách đây rất lâu, có một Đức Phật tên là **Thế Tụ Tại Vương** (Lokesvara-rāja) xuất hiện ở đời nói pháp, lúc đó có một vị Chuyển Luân Thánh Vương phát tâm xuất gia, tên là Tỳ Kheo **Pháp Tạng** (Dharma-kara: Tác Pháp, hoặc Pháp Tích). Tỳ Kheo Pháp Tạng ở trước Đức Phật Thế Tụ Tại Vương, phát khởi Đạo Tâm Vô Thượng dùng bốn mươi tám đại nguyện, thế nguyện gom hết thầy sự Trang Nghiêm của Pháp Giới Tịnh Thổ vào cõi đó để hình thành Thế Giới Cực Lạc, tu tập Đạo Bồ Tát mà thành Phật. Sức nguyện căn bản là hy vọng trong mười phương cõi Phật thì Cực Lạc Tịnh Thổ là thù thắng nhất, vi diệu nhất. Do đó Đức Phật Thế Tụ Tại Vương vì Tỳ Kheo Pháp Tạng mà nói hai trăm mười triệu cõi Phật. Tỳ Kheo Pháp Tạng đem một số cõi Phật làm tư liệu, tuyển chọn một số nơi thù thắng vi diệu của cõi Phật, xây dựng thành bản đồ xanh (Lam đồ) Tịnh Thổ của mình. Tỳ Kheo Pháp Tạng phát nguyện Thù Thắng này tu học Sáu Ba La Mật, cuối cùng viên mãn thành Phật tên là **A Di Đà**”

Đức A Di Đà thành Phật cho đến nay đã hơn mười kiếp. Quốc thổ do bảy Bảo tạo thành, không có Núi, Biển, Sông, Hồ...thuần nhất bằng phẳng. Cũng chẳng có ba loại Ac Đạo, Quỷ Thần. Chúng sinh đều là Bồ Tát, La Hán, thọ mạng vô lượng, thức ăn uống cũng tự nhiên hiện ra. Vãng sinh ở cõi Phật A Di Đà hóa sinh trong hoa sen ở ao báu, diện mạo đoan trang không thể sánh kịp, Thế Giới Cực Lạc có Pháp Hỷ Vô Lượng Vô Biên Trang Nghiêm, đều là nơi thành tựu của sức đại nguyện Di Đà.

Tại Đại Hùng Bảo Điện trong Tự Viện Phật Giáo ở Trung Quốc thường cung phụng Tượng Phật của ba Tôn đại biểu cho ba Thế Giới khác nhau ở Đông, Tây và chính giữa. Tức là **Hoành Tam Thế**, hoặc xưng là **Tam Bảo Phật, Tam Phương Phật**. Trong tạo hình này thì A Di Đà Phật được an trí ở bên phải của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngồi Kiết Già trên đài sen, hai tay kết Định Ấn, ngửa lòng bàn tay đặt chồng lên nhau trên bàn chân, trong lòng bàn tay lại có một tòa đài sen biểu thị cho ý “*Tiếp dẫn chúng sinh vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc Tịnh Thổ, hóa sinh ở trong hoa sen*”

## HÌNH TƯỢNG CỦA ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

Trong **Thập Lục Quán Pháp** của Kinh **Quán Vô Lượng Thọ** chủ yếu là Quán tướng Thế Giới Cực Lạc và Đức Phật A Di Đà, trong Kinh văn miêu tả nói Thân Tướng của Đức Phật A Di Đà: Thân của Phật Vô Lượng Thọ như trăm ngàn vạn ức sắc vàng ròng Diêm Phù Đàm Trời **Đạ Ma** (Yama), thân Phật cao sáu mươi vạn ức Na Do Tha Hằng Hà Sa Do Tuần, **Bạch Hào** (Uṛṇa: sợi lông mày trắng) giữa hai lông mày (Tam tinh) xoay bên phải uyển chuyển như năm tòa núi Tu Di, mắt Phật như bốn biển lớn xanh biếc, trong trắng rõ ràng, các lỗ chân lông nơi thân Phật phóng tỏa ánh sáng như núi Tu Di. Viên Quang (hào quang tròn) của Phật ấy như trăm ức ba ngàn Đại Thiên Thế Giới. Trong Viên Quang ấy có trăm ức Na Do Tha Hằng Hà Sa Hóa Phật. Mỗi mỗi Hóa Phật cũng có đông nhiều vô số Hóa Bồ Tát làm Thị Giả.

Thân Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn Tướng tốt. trong mỗi mỗi Tướng tốt còn có tám vạn bốn ngàn Quang Minh, mỗi mỗi Quang Minh chiếu khắp Thập Phương Thế Giới, nhiếp lấy chúng sinh niệm Phật chẳng bỏ sót. Quang Minh, tướng tốt và Hóa Phật ấy chẳng thể nói đủ hết.

Đó là giải thích nội dung của Quán tướng hình tượng Phật Vô Lượng Thọ, trong đó Phật A Di Đà có thân cao, Tướng, Bạch Hào, mắt Phật, các lỗ chân lông, đặc biệt là từ trong các lỗ chân lông phóng ra nguồn ánh sáng bất khả tư nghị, và lại Phật A Di Đà cũng có đầy đủ Hóa Phật, Hóa Bồ Tát và bốn mươi tám ngàn Chủng Tướng.

Hình tượng trên Thế Gian của Đức Phật A Di Đà thường là ngồi xếp bằng theo tư thế Kiết Già Kim Cương ngay ngắn, tay kết **Định Ấn**, tức là bàn tay trái nằm ngửa để ở trên rốn, bàn tay phải nằm ngửa đặt chông lên tay trái, hai đầu ngón tay cái hơi dính vào nhau. Ấn này cũng là **A Di Đà Như Lai Ấn**, khiến cho tất cả cuồng loạn vọng niệm đều được ngưng dứt, làm cho tâm chú vào một cảnh giới, vào Cực Lạc của Tam Muội là Ấn Tướng Tối Thắng bậc nhất.



Ngoài tượng Phật A Di Đà với tư thế ngồi, cũng có làm tượng Phật A Di Đà đứng với **Ấn Tiếp Dẫn**



Bồ Tát quyền thuộc của Đức Phật A Di Đà rất phổ biến thường là hai vị Đại Sĩ **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara) và **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāmaprāpta), hai vị đó đi theo Đức Phật A Di Đà Ở Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhāvātī) để giáo hóa Chúng Sinh, cũng ở trong Thế Giới Ta Bà dùng Đại Bi Cứu Độ tất cả chúng sinh, giúp đỡ cho Đức Phật A Di Đà khiến cho chúng sinh có thể phát nguyện thanh tịnh Vãng Sinh Tịnh Thổ Cực Lạc. Lúc mệnh chung sẽ tiếp dẫn hành nhân về cõi Tịnh Độ. Nhân Gian thường thường tạo tượng Đức Phật A Di Đà ở chính giữa, bên phải là Quán Thế Âm Bồ Tát, bên trái là Đại Thế Chí Bồ Tát, hình thành **Tây Phương Tam Thánh** hoặc xưng là **Di Đà Tam Tôn**.



Mật Giáo Tây Tạng còn thờ phụng Tôn Tượng **Tam Thánh** với Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus) ở chính giữa, bên phải là **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajrapāṇi: Kim Cương Thủ là tướng phần nộ của Bồ Tát Đại Thế Chí) biểu thị cho Trí Tuệ, bên trái là **Liên Hoa Thủ Bồ Tát** (Padma-pāṇi, tức Quán Âm Bồ Tát) biểu thị cho Từ Bi





Đức Phật A Di Đà có bốn vị Bồ Tát theo hầu là: **Địa Tạng** (Kṣiti-garbha), **Quán Âm** (Avalokiteśvara), **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāmaprāpta), **Long Thọ** (Nāgarjuna) và xưng là **A Di Đà Ngũ Phật** tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực Lạc.



Tôn hình của 25 vị Bồ Tát theo hầu Đức Phật A Di Đà, tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực Lạc là:

1\_ **Quán Thế Âm** Bồ Tát (Avalokiteśvara), chữ chung tử là A (𑖀)



2\_ **Đại Thế Chí** Bồ Tát (Mahā-sthāma-prāpta), chữ chung tử là Saṃ (𑖰)



3\_ **Dược Vương** Bồ Tát (Bhaiṣajya-rāja), chữ chung tử là Hūṃ (𑖬)



4\_ **Dược Thượng Bồ Tát** (Bhaiṣajya-samudgata), chữ chủng tử là Aṃ (𑖀)



5\_ **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra), chữ chủng tử là A (𑖀)



6\_ **Pháp Tạng Bồ Tát** (Dharmesvara), chữ chủng tử là Dha (𑖀)



7\_ **Sư Tử Hống** Bồ Tát (Siṃha-nāda), chữ chủng tử là Vaṃ (𑖦)



8\_ **Đà La Ni** Bồ Tát (Dhāranī), chữ chủng tử là Dha (𑖇)



9\_ **Hư Không Tạng** Bồ Tát (Ākāśa-garbha), chữ chủng tử là I (𑖩)





10\_ **Đức Tạng Bồ Tát** (Guṇa-garbha), chữ chủng tử là Am (𑖦)



11\_ **Bảo Tạng Bồ Tát** (Ratna-garbha), chữ chủng tử là Trāḥ (𑖧)



12\_ **Kim Tạng Bồ Tát** (Suvarṇa-garbha), chữ chủng tử là Va (𑖨)



**13\_ Kim Cương Tạng Bồ Tát (Vajra-garbha), chữ chủng tử là Hūṃ (ॐ)**



**14\_ Sơn Hải Tuệ Bồ Tát (Giri-sāgara-mati), chữ chủng tử là Hrīḥ (ॐ)**



**15\_ Quang Minh Vương Bồ Tát (Raśmi-prabha-rāja), chữ chủng tử là A (ॐ)**



16\_ Hoa Nghiêm Vương Bồ Tát (Avataṃsaka-rāja), chữ chủng tử là Aḥ (𑖀)



17\_ Chúng Bảo Vương Bồ Tát (Gaṇa-ratna-rāja), chữ chủng tử là Trāḥ (𑖃)



18\_ Nguyệt Quang Vương Bồ Tát (Candra-prabha-rāja), chữ chủng tử là Va (𑖕)



19\_ **Nhật Chiêu Vương Bồ Tát** (Divā-kara-rāja), chữ chung tử là Ka (𑖕)



20\_ **Tam Muội Vương Bồ Tát** (Samādhi-rāja), chữ chung tử là Aḥ (𑖗)



21\_ **Định Tụ Tại Vương Bồ Tát** (Samādhīśvara-rāja), chữ chung tử là A (𑖗)



22\_ **Đại Tự Tại Vương Bồ Tát** (Mahēśvara-rāja), chữ chủng tử là Ma (𑖓)



23\_ **Bạch Tượng Vương Bồ Tát** (Śukla-hasta-rāja), chữ chủng tử là Ga (𑖔)



24\_ **Đại Uy Đức Vương Bồ Tát** (Mahā-teja-rāja), chữ chủng tử là Hūṃ (𑖕)



25\_ Vô Biên Thân Bồ Tát (Ananta-kāya), chữ chung tử là A (𠄎)



Tôn hình Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực Lạc là:



Tôn hình A Di Đà với các chúng Thánh tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực Lạc là:





Đồ hình Tây Phương Liên Trì Hải Hội





Hệ Phái **Hiển Mật** thường tạo dựng Tôn Tượng Phật A Di Đà ở chính giữa, hai bên có 8 vị Bồ Tát theo hầu là : **Hư Không Tạng** (Ākāśa-garbha), **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra), **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) hay **Kim Cương Tạng** (Vajra-garbha), **Văn Thù Sư Lợi** (Mañjuśrī), **Trừ Cái Chướng** (Sarva-nīvaraṇa-viṣkambhin), **Địa Tạng** (Kṣiti-garbha), **Quán Âm** (Avalokiteśvara), **Di Lạc** (Maitreya) và xung là **A Di Đà Cửu Tôn**



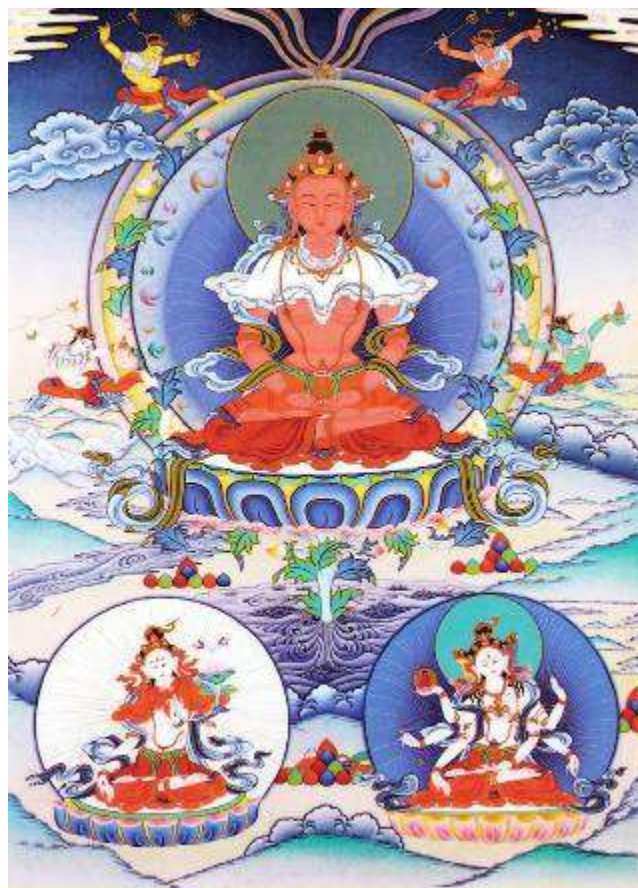
Hệ thống Mật Giáo còn ghi nhận Tôn Tượng A Di Đà Như Lai ngồi trên tòa chim công (Khổng Tước Tòa)



Tạng Truyền Phật Giáo ghi nhận Tôn hình của **Vô Lượng Thọ Phật** (hay **Trường Thọ Phật**) là: thân màu hồng, có một cái đầu, hai cánh tay, tóc cột thành búi, đội mũ bảo ngũ Phật, mặc Thiên Y, quần lụa, thân đeo châu báu Anh Lạc, đầy đủ tất cả các loại trang nghiêm của Báo Thân Phật, hai tay để trên đầu gối kết **Định Ấn**, trên tay có **bình báu Trường Thọ**, trong bình báu hoặc đặt một đóa hoa Cát Tường, hai chân ngồi xếp bằng tư thế Kim Cương trên vành trăng trong hoa sen.



Tây Tạng vẽ **Đường Ca** (Thang-ka) thường dùng **Trường Thọ Phật, Đỉnh Kế Tôn Thắng Phật Mẫu, Bạch Độ Mẫu** làm **Trường Thọ Tam Tôn** (3 Tôn Trường Thọ), bốn phương là bốn Sự Nghiệp Không Hành Mẫu **Tức** (Tức Tai), **Tăng** (Tăng Ích), **Hoài** (Kính Ái), **Tru** (Giáng Phục) vây quanh... dùng câu triệu tinh hoa của năm Đại: đất, nước, lửa, gió, hư không với nhóm Thọ Mệnh, Phước Đức, Trí Tuệ.



\_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) **A Di Đà** được xưng gọi là **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) ngự ở cánh hoa phương Tây biểu thị cho Trí Phương Tiện Phổ Môn của Như Lai, là sự tu hành viên mãn đặc được quả Đức Tự Chứng nên còn gọi là Chứng Bồ Đề. Lai được biểu hiện cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave-kṣana-jñāna) là Trí khéo biết tướng chung tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn chướng, lại y theo từng loại căn cơ của chúng Hữu Tình mà tự tại thuyết Pháp giáo hóa chúng sinh. Do đó Diệu Quán Sát Trí được xem là **Ứng Hóa Pháp Thân** (Nirmāṇa-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai là Thân giáo hóa nhiếp thọ Bồ Tát Sơ Địa, Nhị Thừa, Phạm Phu.

Phương Tây chủ về mùa Thu là chỗ quy chung của vạn vật nên biểu thị cho Đức của **Niết Bàn** (Nirvāṇa) tương ứng với sự chung cực của Hành Chứng. Đức Vô Lượng Thọ Như Lai có thân màu vàng chói là sắc tu hành viên mãn, nghĩa là chẳng thể phá hoại, chuyển **thức thứ sáu** (Mano-vijñāna: Ý Thức) thành Diệu Quán Sát Trí là Đức của sự nói Pháp chặt đứt nghi ngờ của Đại Nhật Như Lai.

Đức Vô Lượng Thọ Như Lai kết A Di Đà Định Ấn với hai tay đem ngón trỏ nối ngón cái thành hình bầu dục, 3 ngón còn lại đặt chồng lên nhau biểu tượng cho 3 Đại (Đất, Nước, Lửa) dùng để chinh phục 2 Phiền Nã Ma là Tham, Sân, Si... còn hình bầu dục tượng trưng cho Niết Bàn. Vì thế Ngài còn được gọi là **Thanh Tịnh Kim Cương**

Tôn Hình: Thân hiện màu đỏ trắng, tay kết A Di Đà Định Ấn, khoác áo mỏng, ngồi yên trên tòa sen



Chữ chủng tử là: AM (𑖀) hay SAM (𑖂)





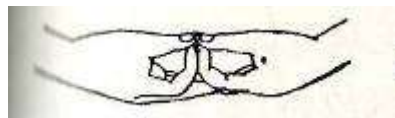
Mật Hiệu là: **Thanh Tịnh Kim Cương, Đại Bi Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HRĪḤ (𑖦𑖯)

Tam Muội Gia Hình là: Trên hoa sen để chày Ngũ Cổ nằm ngang, trên chày để chày Độc Cổ dựng đứng, trên đầu chày có hoa sen hé nở



Tượng Ấn là: Di Đà Định Ấn



Chân Ngôn là:

𑖘𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

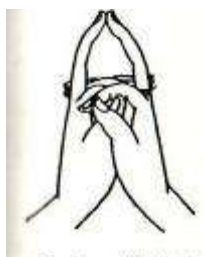
OM\_ LOKEŚVARA-RĀJA HRĪḤ

.) Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì A Di Đà Như Lai có chữ chủng tử là: HRĪḤ (𑖦𑖯)

Tam Muội Gia Hình là: Trên hoa sen để chày Ngũ Cổ nằm ngang, trên chày để chày Độc Cổ dựng đứng, trên đầu chày có hoa sen hé nở. Biểu thị cho **Nhất Thiết Như Lai Tam Ma Địa Trí**. Do mới phát tâm liền hay chuyển bánh xe pháp **Biện Vô Ngôn Thuyết**, Lý không có bờ mé, nơi thâu nhiếp của **Ngũ Bộ** hay khiến cho chúng sanh thông minh lợi trí. Đây là chỗ nhiếp của **Pháp Bộ** (Dharma-kulāya) ở phương Tây, tức là **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna).



Tượng Ấn là: Hai tay tác Ngoại Phộc, duỗi hai ngón giữa cùng vịn nhau như hình hoa sen



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रज्ञान ह्रीः

VAJRA-JÑĀNA \_ HRĪḤ

.) Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì A Di Đà Như Lai có chữ chủng tử là: HRĪḤ (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रधर्म सूक्ष्मज्ञानसमया हूं

OM\_ VAJRA-DHARMA SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA HŪM

(ॐ) .) Tại **Cúng Đường Hội** (Pūja) thì A Di Đà Như Lai có chữ chủng tử là: HRĪḤ

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tượng Ấn là: Di Đà Định Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत वज्रधर्मत्रयं पुरुषोत्तम समये ह्रूं  
OM SARVA-TATHĀGATA VAJRA-DHARMA ANUTTARA-PŪJA  
SPHARAṆA SAMAYE HŪM

.) Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì A Di Đà Như Lai có chữ chủng tử là: LO (ॐ)

Tôn Hình: Khoác kín vai, hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau ở trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ nằm ngang trên hoa sen, trên chày có một chày Độc Cổ dựng đứng, trên đầu chày có hoa sen nở rộ.



Chân Ngôn là:

ॐ ऽ ऽ ऽ ऽ ऽ ऽ

OM\_ LOKEŚVARA \_ LO

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì A Di Đà Như Lai có chữ chủng tử là: YA (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ nằm ngang trên hoa sen, trên chày có một chày Độc Cổ dựng đứng, trên đầu chày có hoa sen nở rộ. Biểu thị cho **Nhất Thiết Như Lai Tam Ma Địa Trí**. Do mới phát tâm liền hay chuyển bánh xe pháp **Biện Vô Ngôn Thuyết**, Lý không có bờ mé, nơi thâm nhiếp của **Ngũ Bộ** hay khiến cho chúng sanh thông minh lợi trí. Đây là chỗ nhiếp của **Pháp Bộ** (Dharma-kulāya) ở phương Tây, tức là **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna).



Chân Ngôn là:

ॐ ऽ ऽ ऽ ऽ ऽ ऽ

OM\_ DHARMA-SATVA KRODHA- JÑĀNA-SAMAYE HŪM

\*) Các Chân Ngôn, Thần Chú, Thủ Ấn thông dụng của Đức A Di Đà Như Lai là:

\_ **Tâm Chú:**

ॐ ऽ ऽ ऽ ऽ ऽ ऽ

OM\_ AMITĀBHA\_ HRĪḤ

\_ **Tiểu Chú:**

ॐ ऽ ऽ ऽ ऽ ऽ ऽ

OM\_ AMṚTA TEJE HARA HŪM



\_ Vãng Sinh Chú (còn có tên gọi là Tứ Cam Lộ Chú)

नमो अमिताभय नमो गतय  
नमो अमिताभय नमो गतय नमो अमिताभय नमो गतय  
नमो अमिताभय नमो गतय नमो अमिताभय नमो गतय

NAMO AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA  
TADYATHĀ: AMṚTODDBHAVE AMṚTA-SIDDHAMBHAVE \_ AMṚTA-  
VIKRĀNTE \_ AMṚTA-VIKRĀNTA GĀMINE \_ GAGANA KĪRTTI KARE  
SVĀHĀ

\_ Vãng Sinh Chú (bản khác)

नमो अमिताभय नमो गतय  
नमो अमिताभय नमो गतय नमो अमिताभय नमो गतय  
नमो अमिताभय नमो गतय नमो अमिताभय नमो गतय

NAMO AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA  
TADYATHĀ: AMṚTODDBHAVE AMṚTA-SAMBHAVE \_ AMṚTA-  
VIKRĀNTE \_ AMṚTA-VIKRĀNTA GĀMINE \_ GAGANA KĪRTTI KARE  
SVĀHĀ

\_ Đại Chú (Thập Cam Lộ Chú):

नमो रत्नत्रयय  
नमो अमिताभय नमो गतय नमो अमिताभय नमो गतय  
नमो अमिताभय नमो गतय नमो अमिताभय नमो गतय  
नमो अमिताभय नमो गतय नमो अमिताभय नमो गतय  
नमो अमिताभय नमो गतय नमो अमिताभय नमो गतय  
नमो अमिताभय नमो गतय नमो अमिताभय नमो गतय  
नमो अमिताभय नमो गतय नमो अमिताभय नमो गतय  
नमो अमिताभय नमो गतय नमो अमिताभय नमो गतय

NAMO RATNATRAYĀYA  
NAMAḤ ĀRYA AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA  
TADYATHĀ: OM\_ AMṚTE, AMṚTODDBHAVE, AMṚTA SAMBHAVE,  
AMṚTAGARBHE, AMṚTA SIDDHE, AMṚTA TEJE, AMṚTA VIKRĀNTE,  
AMṚTA VIKRĀNTA GAMINE, AMṚTA GAGANA KĪRTTI KARE, AMṚTA  
DUṆḌUBHISVARE , SARVA ARTHA SĀDHANE, SARVA KARMA KLEŚA  
KṢAYAM KARE SVĀHĀ

1\_A Di Đà Định Ấn:

Hai tay cài chéo nhau, duỗi thẳng hai ngón cái cùng chạm đầu ngón, dựng thẳng lòng giữa của hai ngón trỏ sao cho hai đầu ngón trỏ chạm ngón cái. Ngoài ra ngón út, ngón vô danh, ngón giữa tất cả sáu ngón cài cùng chéo nhau bám lót ngón cái và ngón trỏ.



Ấn này biểu thị cho ý nghĩa: “Chúng sinh trong sáu nẻo hiện được bốn Trí Bồ Đề”. Như thế khi đánh mở Ấn này tức là Ấn Thuyết Pháp của Hóa Tha Môn. Ở lòng bàn tay, Phong (ngón trỏ) hòa với đỉnh đầu của Không (ngón cái) là thế mở bày, Phong

(ngón trỏ) có công năng mở hoa, Phong (ngón trỏ) trong Không (ngón cái) là ý nghĩa có đủ tự tại tự đắc

Lại hai độ Thiên (ngón cái) Tiến (ngón trỏ) được ví dụ cho nghĩa *co nuôi dưỡng Thiên Định*, là hiểu rõ sự cần thiết để dưỡng tâm Sen của Phật Tính nên khiến Thiên (ngón cái), Tiến (ngón trỏ) cùng hợp nhau, tức làm Ấn này.

## 2\_ A Di Đà Phật Căn Bản Ấn:

Đây là Thủ Ấn mà Đức Phật A Di Đà đã kết trong Tam Muội Gia Hội của Kim Cương Giới. Hai tay tác Ngoại Phộc, dựng đứng hai ngón giữa cùng trụ nhau, hai ngón cái cùng cái chéo nhau như dạng cánh sen.



Ngoại Phộc là nghĩa Sinh Tử kết buộc, còn hoa sen biểu thị cho Phật Tính vốn có của chúng sinh, hai cô tay giơ lên như xem xét Ngũ Cổ, dựng đứng hai cánh tay tức là Độc Cổ. Tám ngón tay của Ngoại Phộc tức chỉ hoa sen tám cánh, cánh sen của ngón giữa biểu thị cho Bản Tôn, Ngũ Cổ bên dưới cánh tay là sự bình đẳng của mười Giới gồm năm Phạm, năm Thánh; biểu thị cho Lý **Phàm Thánh chẳng hai**.

Chân Ngôn là: **Thập Cam Lộ Chú**.

## 3\_ A Di Đà Phật Cửu Phẩm Ấn:

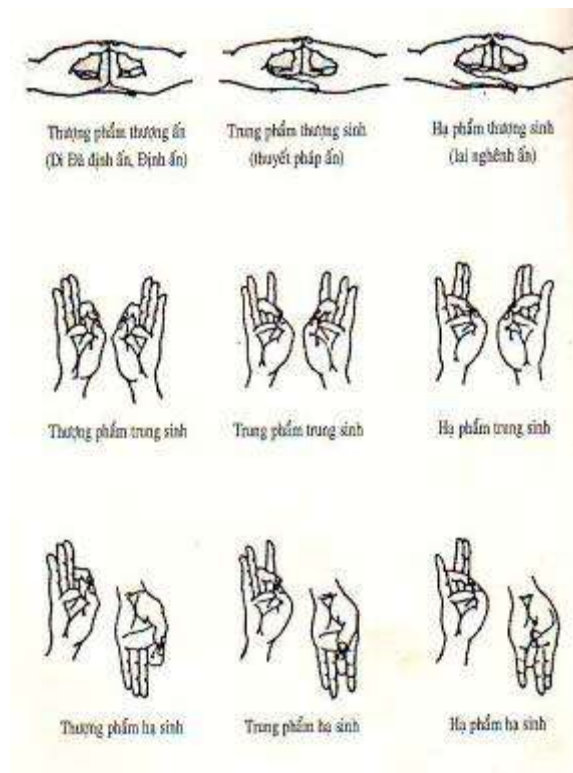
Cửu Phẩm Ấn tức là chín loại Ấn Tướng từ Thượng Phẩm Thượng Sinh cho đến Hạ Phẩm Hạ Sinh. Lại xưng là Vãng Sinh Cửu Phẩm ấn.

Căn cứ vào cách nói của Cửu Phẩm Vãng Sinh trong Kinh **Vô Lượng Thọ**: Y theo Nghiệp Tội tu hành của người tu Niệm Phật (Niệm Phật Hành Giả) thời chia ra làm Tướng Ấn của chín giai cấp. Ví như Vãng Sinh có chín phẩm vãng sinh, Thế Giới Cực Lạc có chín Phẩm Tịnh Thổ, chín phẩm niệm Phật cho nên Đức Phật A Di Đà cũng có phân biệt chín Phẩm Di Đà để biểu hiện cụ thể, tức là Cửu Phẩm Ấn.

Tướng Ấn liên quan đến Cửu Phẩm Ấn thời có nhiều loại giải thích. So sánh các điều thường thấy thì Tướng Ấn của Thượng Phẩm là chồng hai tay lên nhau để ở trên đùi (đuôi ba ngón tay, tay phải để bên dưới tay trái) như Di Đà Định Ấn. Tướng Ấn của Trung Phẩm là hai tay để trước ngực, hướng hai lòng bàn tay ra ngoài đặt cạnh nhau như Ấn Thuyết Pháp. Hạ Phẩm tức là hướng lòng bàn tay ra bên ngoài, tay phải hướng lên trên, tay trái hạ xuống dưới như Thí Vô Úy Ấn và Dữ Nguyện Ấn

Trong đó, Tướng Ấn của Thượng Sinh là đem ngón cái và ngón trỏ đã co cong lại cùng hợp nhau. Tướng Ấn của Trung Sinh là đem ngón cái và ngón giữa đã co cong lại cùng hợp nhau. Hạ Sinh là đem ngón cái và ngón vô danh đã co cong lại cùng hợp nhau.

Như thế, các Ấn của các Phẩm Vãng Sinh đều dựa theo đây mà kết hợp, tức thành chín Phẩm Ấn là: Thượng Phẩm Thượng Sinh, Thượng Phẩm Trung Sinh, Thượng Phẩm Hạ Sinh, Trung Phẩm Thượng Sinh, Trung Phẩm Trung Sinh, Trung Phẩm Hạ Sinh, Hạ Phẩm Thượng Sinh, Hạ Phẩm Trung Sinh, Hạ Phẩm Hạ Sinh.



Trong số đó thì Ấn của Thượng Phẩm Thượng Sinh là Diệu Quan Sát Trí Ấn., lại gọi là Định Ấn, Di Đà Định Ấn; là Thủ Ấn rất thường thấy ở Tượng Phật A Di Đà ngồi. Còn loại Tượng đứng thì dùng Lai Nghêh Ấn, là Tượng Ấn rất phổ biến của Hạ Phẩm Thượng Sinh. Tượng Ấn của Trung Phẩm thì dùng Ấn Thuyết Pháp. Cách thức này được lưu truyền từ cuối đời nhà Đường trở đi, về sau được truyền vào Nhật Bản. Thuyết này rất thịnh hành trong Chân Ngôn Tông với Tịnh Độ Tông.

Trong “**Bạch Bảo Khẩu Sao**” đề cập đến “Ấn Chữa Bệnh” của Phật A Di Đà: Pháp Ấn chữa bệnh của Phật A Di Đà. Bàn tay trái nằm ngửa, bốn ngón tay co lại, lấy bàn tay phải đè úp lên bàn tay trái, bốn ngón tay cũng co lại đầu các ngón đều trụ vào tâm lòng bàn tay trái cùng câu móc với bàn tay trái sao cho lóng đốt các ngón tay trụ ở tâm lòng bàn tay, hai ngón tay cái thẳng, trạng thái giãn dữ, Giáng Phục tất cả Quỷ Thần ác, liền khỏi bệnh.

Tạng Truyền Phật Giáo ghi nhận chữ chủng tử của Trường Thọ Phật là: HRĪḤ màu hồng



**Trường Thọ Phật Ấn** (pháp Giới Định Ấn):

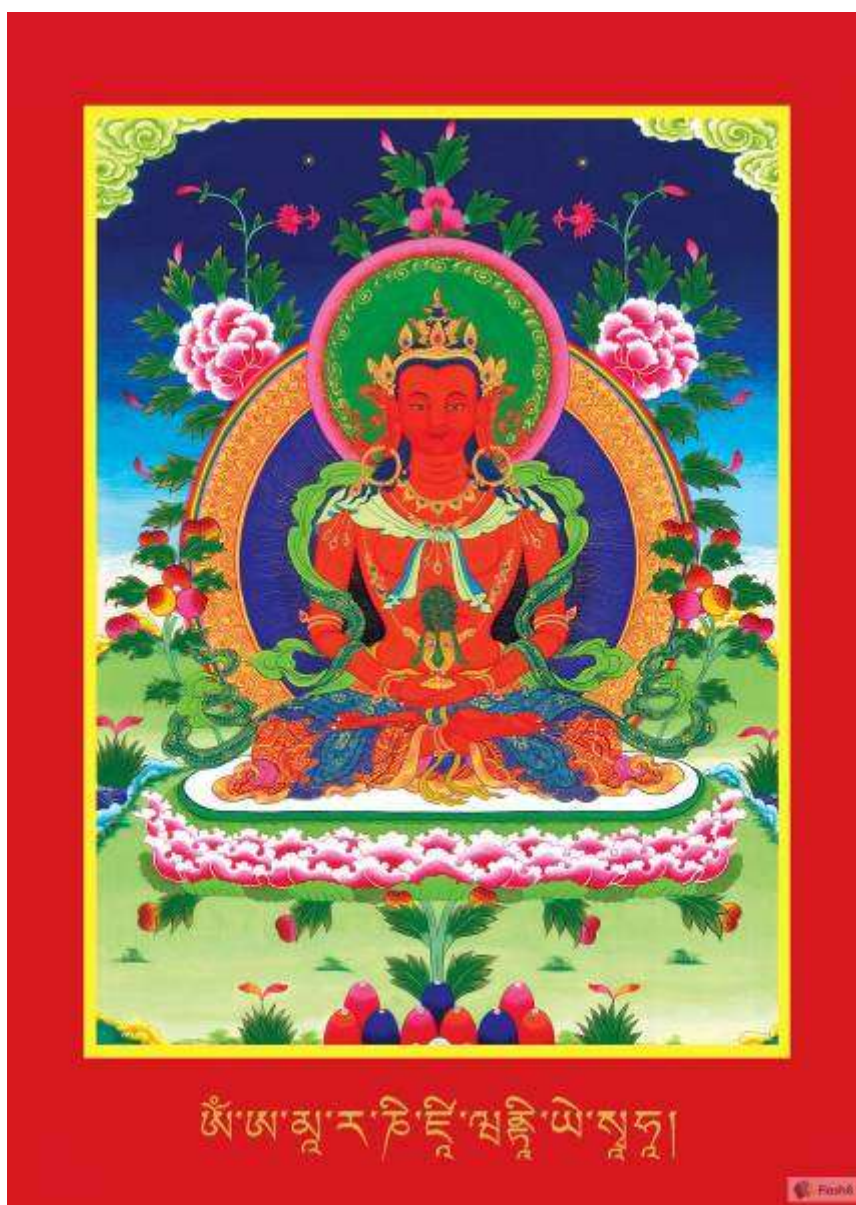
Hai tay ngửa lòng bàn tay xếp chồng lên nhau, tay phải ở trên tay trái, hai ngón cái cùng tiếp chạm nhau



Trường Thọ Phật Tâm Chú:  
Tùy theo sự truyền thừa mà có nhiều bản khác nhau như



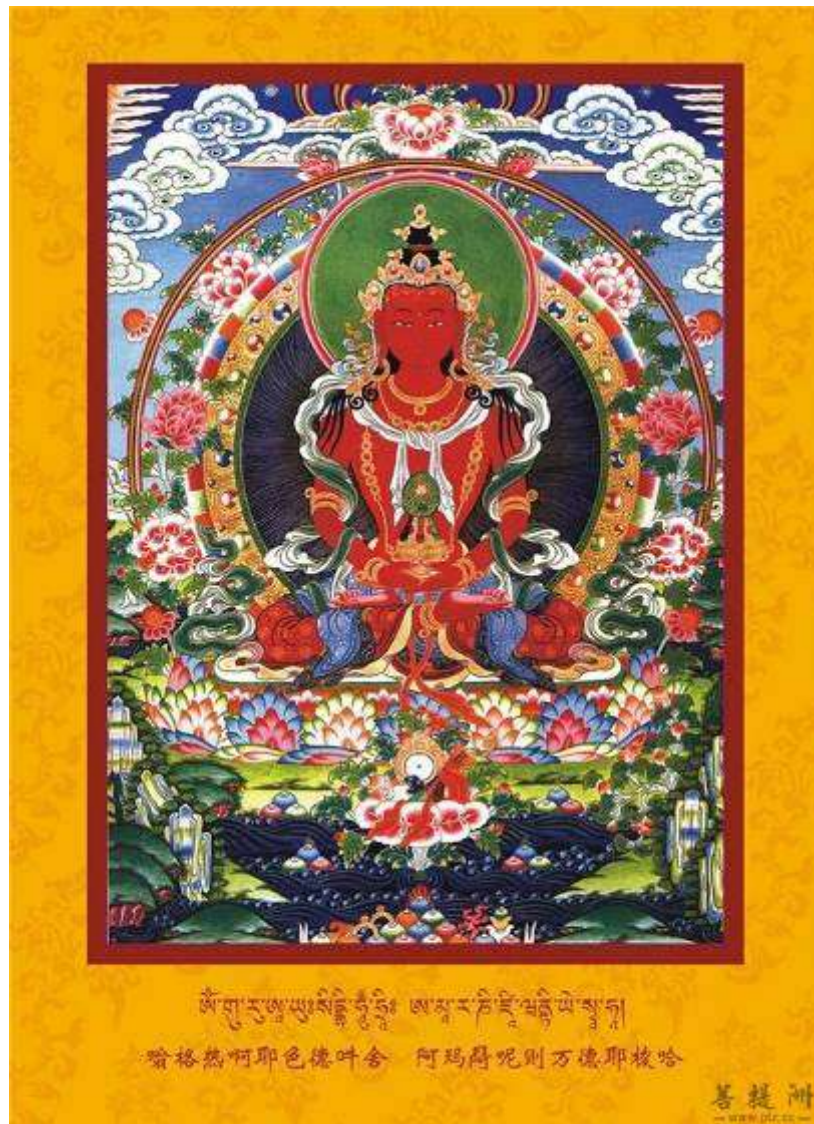
Hoặc:  
ॐ\_ AMĀRANI JĪVANTĪYE SVĀHĀ



Hoặc:  
OM\_ AMARAṆI JĪVANTAYE SVĀHĀ



Hoặc :  
OM\_ GURU ĀYUḤ SIDDHI HŪḤ HRĪḤ\_ AMĀRAṆI JIVANTIYE  
SVĀHĀ



Theo người biên soạn thì hai bản sau có ý nghĩa chuẩn xác nhất

ॐ अमरानि जीवन्तये स्वहा

OM\_ AMARANI JĪVANA TEJE SVĀHĀ

[Om: Nhiếp triệu

Amarani jīvana: Sinh mệnh bất tử

Teje: Uy Đức, Uy Quang

Svāhā: Quyết định thành tựu]

2\_ OM\_ AMARANI JĪVANTĀYE SVĀHĀ

[Om: Nhiếp triệu

Amarani jīvantāye: nhóm điểm cuối cùng của sinh mệnh bất tử

Svāhā: Quyết định thành tựu]

Vì **Trường Thọ Phật** tức là **Vô Lượng Thọ Phật** nên một số Đạo Sư Tây Tạng lại truyền dạy **Vô Lượng Thọ Chú** là:

)**Vô Lượng Thọ Tâm Chú** là:

OM\_ TADYATHĀ APARAMITA ĀYUR-JÑĀNA HRĪḤ HŪM DHRŪM SVĀHĀ

)**Vô Lượng Thọ Căn Bản Chú** là:

OM\_ AMARANI JĪVINTĀYE SVĀHĀ

)**Vô Lượng Thọ Trường Chú** là:

OM VAJRA ĀYUṢE HŪM AḤ

OM\_ PUṆYE PUṆYE MAHĀ-PUṆYE APARAMITA-ĀYUR-PUṆYA-JÑĀNA SAMBHĀROPACITE SVĀHĀ

OM\_ NAMO BHAGAVATE APARAMITA-ĀYUR-JÑĀNA SUVINE

ŚCITA TEJA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE

SAMYAKSAMBUDDHĀYA\_ TADYATHĀ: OM PUṆYE PUṆYE MAHĀ-

PUṆYE\_ APARAMITA-PUṆYA\_ APARAMITA-PUṆYA-JÑĀNA

SAMBHĀROPACITE

OM\_ SARVA SAMSKĀRA PARISUDDHA DHARMATE GAGANA

SAMUDGATE SVABHĀVA VISUDDHE, MAHĀ-NAYA PARIVĀRE SVĀHĀ

Kinh ghi rằng: “Trì tụng **Trường Thọ Phật Chú Ngũ** hay tăng trưởng Thọ Mạng và Phước Đức Trí Tuệ, tránh khỏi cái chết đột ngột không đúng thời và chết yểu, ý ngoại thân vong, tiêu trừ tất cả tội nghiệp từ kiếp sâu xa đến nay, chứng Thành Tựu sự Bất Tử, cũng vãng sinh tịnh thổ cực lạc ở phương Tây”.

**Trường Thọ Phật Pháp** lại xưng là **Trường Thọ Bách Tuế Pháp**, siêng tu Pháp này thì hay kéo dài Thọ Mệnh, tăng trưởng Tu Lương: Phước Đức, Trí Tuệ... cũng hay tòi diệt sự chết không đúng thời. Hết thấy tội chướng, mười ác, bốn nặng, năm vô gián trong thân thấy đều được tiêu tan hết

Tại Tây Tạng, rất nhiều người mong cầu được diên niên ích thọ, đều tham gia vào Pháp Hội của Trường Thọ Phật để cầu xin Đức Phật gia trì khiến cho mình được mạnh khỏe sống lâu

